

Bản án số: 485/2024/DS-PT

Ngày: 23/9/2024

V/v: “Tranh chấp liên quan đến tài sản
bị cưỡng chế thi hành án theo quy định
về pháp luật thi hành án dân sự”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hồ Văn Cường.

Các Thẩm phán:

- Ông Hà Chí Quốc;
- Ông Trần Thanh Tùng.

Thư ký phiên tòa: ông Đặng Minh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 351/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024, về “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định về pháp luật thi hành án dân sự”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2024/DS-ST, ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 81/2024/QĐ-PT, ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1980; nơi cư trú: số A hẻm C đường H, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh có mặt.

Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1968; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bà Hồ Thị D, sinh năm 1969; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh

Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1978; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Số G hẻm C đường H, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh,

Anh Nguyễn T1, sinh năm 1982; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: số G đường P, khu phố H, phường H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ trụ sở: Số F đường G khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Thành Đ, chức vụ: Chi cục trưởng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Trọng D1, chức vụ: Phó Chi cục trưởng, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Thanh M là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh M trình bày:

Vào ngày 23/8/2011, chị M có nhận chuyển nhượng phần đất tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh của ông Nguyễn Văn H giá chuyển nhượng là 710.000.000 đồng, hai bên làm hợp đồng giấy tay sang nhượng đất, ngày 23/8/2011 chị M trả trước 400.000.000 đồng, ngày 10/02/2012 trả 10.000.000 đồng, ngày 19/5/2012 trả 300.000.000 đồng, chị M nhờ anh Q là anh ruột đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCN QSDĐ) hộ cho chị M, vì lúc này anh Q chưa lập gia đình còn độc thân, chị M bận buôn bán và có con nhỏ nên việc đi lại đăng ký đất gây bất tiện, do đó nhờ anh Q đứng tên. Ngày 11/7/2012, anh Q được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSD số BK625419, tờ bản đồ số 5, gồm có 17 thửa là 1431, 2001; 2004; 2005; 2006; 2019; 2020; 2021; 2022; 2029; 2030; 2031; 2264; 2265; 2266; 2267; 2284 diện tích 24680 m², nay là thửa 97, tờ bản đồ 28 diện tích đo đạc thực tế 28511.0 m² tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Anh Q chỉ đứng tên dùm trên giấy đất, chị M là trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Tháng 7/2012 chị M cho ông S cha ruột mượn đất trồng mía, ông S thế chấp cho Nhà máy Đ1 đến ngày 27/5/2013 thì trả lại giấy đất cho chị M. Đến năm 2016 thì chị M cho ông V anh ruột thuê đất cho đến hết tháng 12/2019 có làm hợp đồng thuê đất, sau đó ký thuê lại 03 năm và ông V sử dụng đất trồng trà đến nay.

Ngày 15/8/2012 anh Q kết hôn với chị T, thời gian này anh Q giữ hộ GCN QSDĐ của chị M. Anh Q, chị T tự ý mang thế chấp GCN QSDĐ cho Ngân hàng M1 để vay số tiền 900.000.000 đồng, sau khi vay không có khả năng trả nợ. Ngày 25/6/2020 anh Q và chị T ly hôn. Ngày 01/9/2020, anh Q mới báo cho chị M biết,

Ngân hàng thông báo không trả tiền mất tài sản nên chị M phải lo tiền trả nợ Ngân hàng thay cho anh Q, do dịch bệnh nên chị M nhờ anh ruột Nguyễn Thanh V đến Ngân hàng M1 thanh toán tiền cho Ngân hàng nợ gốc và lãi suất 942.960.000 đồng vào ngày 22/9/2020. Từ đó đến nay, chị M giữ GCN QSDĐ bản chính không thể chấp, tặng cho hay chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân nào khác.

Việc anh Q, chị T phải thi hành án tại Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành cho ai chị hoàn toàn không biết, chị M không đồng ý việc kê biên tài sản quyền sử dụng đất nêu trên để thi hành án cho khoản nợ của anh Q, chị T vì bản chất tài sản nêu trên là của chị M sang nhượng của ông H, chỉ nhờ anh Q đứng tên dùm. Yêu cầu anh Q trả lại đất để chị sang tên đứng chủ quyền. Hơn nữa, các giấy tờ trả tiền chuyển nhượng đất, trả tiền Ngân hàng thì đều do chị M và ông V thanh toán.

Nay chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định thửa đất số 97, tờ bản đồ 28 diện tích 28.511 m² tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh thuộc quyền sử dụng của chị M.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh Q là anh ruột của chị M, anh xác định có đứng tên dùm trên GCN QSDĐ cho chị M thửa đất 97, tờ bản đồ 28 diện tích 28.511 m² tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vì mọi giao dịch sang nhượng đất, giấy tờ giao tiền, có thỏa thuận giữa hai bên về việc đứng dùm tên trên hợp đồng chuyển nhượng và GCN QSDĐ vào năm 2012 khi anh còn sống độc thân chưa kết hôn với chị T, sau này khi chị T vợ anh cần tiền làm ăn kinh doanh anh chị tự ý mang thế chấp giấy CN QSDĐ đứng tên dùm chị M vay tiền Ngân hàng, khi không có khả năng thanh toán thì chị M cũng phải chi tiền thanh toán và nhận giấy CN QSDĐ, do chị M thấy việc anh đứng tên dùm xảy ra nhiều vấn đề liên quan nên yêu cầu anh ký hợp đồng tặng cho chị X cũng là em ruột đứng tên dùm cho chị M, nhưng do bà T2 là người kiện chị T, anh Q về hợp đồng vay, hụi nên bị ngăn chặn không sang tên từ anh Q cho chị X được, việc anh và chị T có nghĩa vụ thi hành án cho bà T2 nên Chi Cục Thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tiến hành kê biên tài sản nêu trên để thi hành án là không đúng, anh đồng ý đất tranh chấp bị kê biên là của chị M, anh đồng ý trả lại cho chị M. Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật bảo đảm quyền lợi của chị M.

Bị đơn chị Lê Thị Thanh T vắng mặt không có ý kiến trình bày:

Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng đối với chị T như Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T không đến Tòa án để trình bày ý kiến và giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành do ông Hoàng Trọng D1 đại diện trình bày:

Anh Q, chị T phải thi hành án cho người được thi hành án số tiền 732.214.969 đồng. Do hiện nay anh Q đứng tên tài sản nên căn cứ tại khoản 1 Điều 46 Luật Thi hành án Dân sự, việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành kê biên tài sản theo đúng quy định, vì hết thời gian tự nguyện thi hành án, nên bị kê biên cưỡng chế thi hành án. Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Thi hành án Dân sự khi tiến hành kê biên tài sản có tranh chấp, Chi cục đã thông báo cho những người có tranh chấp khởi kiện trong thời hạn 30 ngày là đúng quy định. Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh V, bà Hồ Thị D thống nhất trình bày: Ông V là anh ruột của chị M, bà D là vợ ông V, ông bà đang thuê đất của chị M để trồng cây trà, tiền thuê mỗi năm 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, đã trả trước 04 năm 120.000.000 đồng, thời gian thuê từ 01/01/2016 đến năm 2019 hết hạn thuê đất, sau đó năm 2020 ký lại thuê tiếp 06 năm có đưa trước tiền thuê 180.000.000 đồng đến ngày 01/01/2025 hết hạn thuê đất, hiện nay ông V đang trồng cây trà trên đất tranh chấp. Đối với hợp đồng thuê đất ông V, bà D không có yêu cầu, không tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh X trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2023:

Chị X là em ruột anh Q, là chị ruột của chị M, đất tranh chấp theo chị biết là của chị M nhờ anh Q đứng tên dù khi anh Q chưa lập gia đình với chị T, sau đó anh Q kết hôn với chị T, anh chị có mang giấy đất của chị M đi vay tiền Ngân hàng không có tiền trả chị M phải nhờ anh ruột tên V cho mượn tiền trả Ngân hàng lấy tài sản về, vì vậy chị M không muốn để anh Q đứng tên đất gây nhiều phiền phức, nên nhờ chị X đứng tên, nhưng do anh Q, chị T phải thi hành án nên hợp đồng tặng cho giữa anh Q và chị X không được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh chứng thực vì tài sản đang bị kê biên. Chị X xác định không có tranh chấp không có yêu cầu trong vụ án này, Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T1 trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/9/2023:

Anh T1 và chị M là vợ chồng nhưng đã ly hôn, trong quyết định ly hôn của Tòa án về tài sản chung giữa anh và chị M không có tài sản chung, tranh chấp giữa chị M và anh Q, anh T1 xác định anh không liên quan, không tranh chấp trong vụ án này.

Bản án sơ thẩm số 91/2024/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ Điều 117, 500, 503 của Bộ luật Dân sự; Điều 168, 188 của Luật đất đai; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh M với anh Nguyễn Văn Q, chị Lê Thị Thanh T về việc “Tranh chấp liên quan đến tài

sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự” đối với phần đất diện tích 28511.0 m² thửa 97, tờ bản đồ 28 (gồm 17 thửa: 1431, 2001, 2004, 2005, 2006, 2019, 2020, 2021, 2022, 2029, 2030, 2031, 2264, 2265, 2266, 2267, 2284 cũ; tờ bản đồ số 5 cũ) tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh, theo GCN QSDĐ số BK 625419 số vào sổ cấp GCN: CH01107/002109.CN.VP do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 11/7/2012 cho Nguyễn Văn Q đứng tên chủ sử dụng đất.

Ghi nhận ông Nguyễn Thanh V không yêu cầu giải quyết hợp đồng thuê đất trong vụ án này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu kháng cáo: chị M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- **Về tố tụng:** việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:** đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh M làm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo, kháng nghị thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm phù hợp với quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh M, thấy rằng:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: chị M xác định phần đất tranh chấp do chị mua, trả tiền và chỉ cho anh Q đứng tên dùm. Chị M cung cấp chứng cứ là giấy thỏa thuận về việc đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa chị M

và anh Q có chữ ký của các bên: “Người viết tường trình: Nguyễn Thị Thanh M; Người đứng dùm: Nguyễn Văn Q; có Nguyễn Thanh V ký làm chứng”. Tuy nhiên, văn bản trên không được công chứng, chứng thực và giữa chị M, anh Q và anh V là anh em ruột trong gia đình nên không đảm bảo tính khách quan của chứng cứ.

Ngày 11/7/2012, anh Q được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSD số BK625419, tờ bản đồ số 5, gồm có 17 thửa là 1431, 2001; 2004; 2005; 2006; 2019; 2020; 2021; 2022; 2029; 2030; 2031; 2264; 2265; 2266; 2267; 2284 diện tích 24680 m², nay là thửa 97, tờ bản đồ 28 diện tích đo đạc thực tế 28511.0 m² tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh thông qua việc anh Nguyễn Văn Q có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn H là chủ đất cũ.

[3] Căn cứ theo quy định tại Điều 166, 167, 188 Luật đất đai 2013 anh Q là chủ sử dụng đất hợp pháp nên anh có các quyền của chủ sử dụng đất. Cụ thể, vào năm 2019 anh Q đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 625419, số vào sổ cấp GCN: CH01107/002109.CN.VP với diện tích 24680 m², gồm 17 thửa: 1431, 2001, 2004, 2005, 2006, 2019, 2020, 2021, 2022, 2029, 2030, 2031, 2264, 2265, 2266, 2267, 2284; tờ bản đồ số 5 (nay là 97, tờ bản đồ 28, diện tích đo đạc thực tế 28.511 m²), tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh do anh Q đứng tên chủ sử dụng để vay số tiền 900.000.000 đồng tại Ngân hàng Q1.

[4] Tại Quyết định số 14/QĐ-CCTHADS ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thì anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị Thanh T phải thi hành án theo Bản án số: 210/DS-PT ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Do anh Nguyễn Văn Q đứng tên chủ sử dụng quyền sử dụng thửa đất 97, tờ bản đồ 28 diện tích 28.511 m² tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh, để thi hành án cho người được thi hành án là đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích nêu trên, không có cơ sở nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M buộc anh Q trả quyền sử dụng đất diện tích 24680 m²(gồm 17 thửa: 1431, 2001, 2004, 2005, 2006, 2019, 2020, 2021, 2022, 2029, 2030, 2031, 2264, 2265, 2266, 2267, 2284 cũ; tờ bản đồ số 5 cũ), nay là thửa đất 97, tờ bản đồ 28 diện tích đo đạc thực tế 28.511 m² tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá vụ án khách quan và toàn diện nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị M.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh M không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh M;
- Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 91/2024/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ Điều 117, 500, 503 của Bộ luật Dân sự; Điều 168, 188 của Luật đất đai; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh M với anh Nguyễn Văn Q, chị Lê Thị Thanh T về việc “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự” đối với phần đất diện tích 28511.0 m² thửa 97, tờ bản đồ 28 (gồm 17 thửa: 1431, 2001, 2004, 2005, 2006, 2019, 2020, 2021, 2022, 2029, 2030, 2031, 2264, 2265, 2266, 2267, 2284 cũ; tờ bản đồ số 5 cũ) tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh, theo GCN QSDĐ số BK 625419 số vào sổ cấp GCN: CH01107/002109.CN.VP do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 11/7/2012 cho Nguyễn Văn Q đứng tên chủ sử dụng đất.

Ghi nhận ông Nguyễn Thanh V không yêu cầu giải quyết hợp đồng thuê đất trong vụ án này.

2. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh M phải chịu 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng, đã nộp xong.

3. Về án phí:

3.1 Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0018467 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị M đã nộp đủ án phí.

3.2. Án phí phúc thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Thanh M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Thanh M đã nộp theo B lại thu số 0009590 ngày 31-7-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Châu Thành ;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành ;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Cường